

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Văn Bảy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Thành viên
	Ông Trần Đại Tùng	Thành viên
	Ông Đặng Văn Thăng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Vũ Văn Bảy	Tổng Giám đốc
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT**

Các Công ty con được hợp nhất trong năm và tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	30	51%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm
Công ty Cổ phần Sico Yên Hòa	Tòa nhà SICO, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	06	70%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm
Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	Phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	12	54,84%	Thương mại và dịch vụ
Công ty TNHH SICO Đồng Bàng	Tòa nhà SICO, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	15	53,3%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất, thương mại.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng Sông Đà và các Công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán giữa Công ty và các Công ty con;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các Công ty con sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hạ tầng Sông Đà và các Công ty Con ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và các Công ty con và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Văn Bảy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Số: 276/2011/BCKT-BCTC-HN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà và các Công ty con**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 06 đến trang 30 kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 23 tháng 03 năm 2010 có ý kiến dạng chấp nhận toàn bộ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng Sông Đà và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc**Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)****Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		362.328.380.455	229.308.991.134
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.466.450.026	13.745.823.028
1. Tiền	111		3.466.450.026	7.745.823.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.899.569.934	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	15.899.569.934	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.330.632.928	135.373.747.965
1. Phải thu khách hàng	131		128.522.456.472	98.946.122.636
2. Trả trước cho người bán	132		31.753.579.974	8.129.656.546
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	86.781.754.584	29.243.788.701
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.727.158.102)	(945.819.918)
IV. Hàng tồn kho	140		67.959.885.226	40.600.125.314
1. Hàng tồn kho	141	5.4	67.959.885.226	40.600.125.314
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.671.842.341	39.589.294.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		557.516.344	67.631.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.805.915.512	1.857.672.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	650.964.225	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	22.657.446.260	37.663.991.019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.684.837.575	57.868.540.456
II. Tài sản cố định	220		140.147.110.015	48.473.469.280
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	85.145.386.510	20.446.309.626
Nguyên giá	222		108.777.909.494	33.565.379.038
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.632.522.984)	(13.119.069.412)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	3.132.222.122	5.617.852.607
Nguyên giá	225		9.447.915.818	12.383.613.631
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.315.693.696)	(6.765.761.024)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	38.100.000.000	-
Nguyên giá	228		38.100.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	13.769.501.383	22.409.307.047
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.150.000.000	7.064.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	7.064.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6.150.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.468.936.832	2.331.071.176
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	10.545.962.698	1.457.029.633
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		922.974.134	874.041.543
VI. Lợi thế thương mại	269	5.12	14.918.790.728	-
TỔNG TÀI SẢN	270		535.013.218.030	287.177.531.590

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		233.419.676.750	198.556.265.608
I. Nợ ngắn hạn	310		193.384.602.847	179.489.302.711
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	73.587.405.445	36.692.493.285
2. Phải trả người bán	312		62.157.119.573	78.358.054.792
3. Người mua trả tiền trước	313		9.821.617.270	15.620.635.844
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	22.635.991.625	15.827.130.396
5. Phải trả người lao động	315		2.191.991.961	2.088.716.953
6. Chi phí phải trả	316	5.15	7.130.269.156	7.524.402.722
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	14.900.113.591	23.951.206.277
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		960.094.226	(573.337.558)
II. Nợ dài hạn	330		40.035.073.903	19.066.962.897
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.301.023.906	1.101.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	31.447.712.173	17.853.432.487
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		157.395.098	112.506.504
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		7.128.942.726	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		256.941.379.521	84.185.649.558
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	256.941.379.521	84.185.649.558
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	51.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.126.085.147	12.157.753.767
4. Cổ phiếu quỹ	414		(10.351.583.945)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.248.924.010	4.123.922.704
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.377.447.735	1.070.087.999
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.040.506.575	15.083.885.088
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		44.652.161.759	4.435.616.424
TỔNG NGUỒN VỐN	440		535.013.218.030	287.177.531.590

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	362.541.434.997	140.386.621.328
2. Các khoản giảm trừ	02	5.20	1.190.162.699	954.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	5.21	361.351.272.298	140.385.666.782
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	303.846.116.944	116.873.226.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		57.505.155.354	23.512.440.273
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	34.053.347.190	95.542.005
7. Chi phí tài chính	22	5.24	16.518.005.277	3.457.126.955
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.221.790.456	3.457.126.955
8. Chi phí bán hàng	24		4.774.218.495	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.500.582.071	11.489.325.765
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.765.696.701	8.661.529.558
11. Thu nhập khác	31		8.409.550.878	24.130.102.568
12. Chi phí khác	32		1.798.524.137	10.441.674.711
13. Lợi nhuận khác	40	5.25	6.611.026.741	13.688.427.857
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.376.723.442	22.349.957.415
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	11.363.478.754	5.541.764.928
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(48.932.591)	(874.041.543)
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	53		1.228.034.125	748.616.424
18. Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ	70		35.834.143.155	16.933.617.606
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của cổ đông Công ty mẹ	80	5.28	2.627	3.272

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc




Vũ Văn Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01		372.605.393.113	79.432.743.319
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(446.313.903.457)	(76.625.217.913)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.713.498.400)	(8.346.944.752)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(14.787.482.956)	(3.422.278.774)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.177.051.432)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.959.870.696	75.861.483.096
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.928.701.066)	(87.728.675.118)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(128.355.373.502)	(20.828.890.142)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(54.608.180.430)	(17.585.704.734)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		15.615.494.423	4.799.922.353
3. Tiền chi cho vay	23		(92.732.180.397)	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24		76.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.309.979.033)	-
6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27		4.191.721.358	93.542.005
8. Mua lại vốn góp của CĐTTS	28		(33.040.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81.283.124.079)	(12.690.240.376)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		157.550.000.000	-
2. Tiền góp vốn của CĐTTS	31.1		14.369.950.000	-
3. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(10.351.583.945)	-
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		233.643.515.707	68.643.110.334
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(176.405.870.769)	(23.287.150.725)
6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(6.748.453.092)	(8.394.395.022)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.277.273.322)	(75.250.000)
8. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CĐTTS	36.1		(4.421.160.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		199.359.124.579	36.886.314.587
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10.279.373.002)	3.367.184.069
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.745.823.028	10.378.638.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	3.466.450.026	13.745.823.028

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc

Vũ Văn Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/ HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 209.500.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập gồm:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.862.800	18.628.000.000	8,89%
Hồ Văn Dũng	280	2.800.000	0,00%
Vũ Văn Bảy	1.322.588	13.225.880.000	6,31%
311 cổ đông	132.000	1.320.000.000	0,63%

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất, lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí ngoại thất công trình;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất, mua bán xi măng;
- Kinh doanh, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Nhận ủy thác đầu tư cho các tổ chức trong và ngoài nước.
- Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghiệp thông tin (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công viên;
- Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi, giải trí công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2010: xây lắp hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc thiết bị....

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của các công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm 2010, Công ty đã mua 54,8% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Sông Đà – Đồng Nai và đã trở thành công ty Mẹ của Công ty này.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng khoản phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 28
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị

Phương tiện vận tải

Số năm

07

06 - 08

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí dần giáo cốppha và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; chi phí dần giáo cốppha được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc sau khi có quyết định thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

4.17 Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.19 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.382.306.022	407.947.462
Tiền gửi Ngân hàng	2.084.144.004	7.337.875.566
Tiền đang chuyển	-	6.000.000.000
Tổng	3.466.450.026	13.745.823.028

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	17.389.537	-
Tiền gửi có kỳ hạn	15.882.180.397	-
Tổng	15.899.569.934	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	8.156.291.691	18.084.667.375
Công ty Cổ phần Sico Devyt	-	4.614.565.818
Công ty CP PTKT hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam	3.500.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH XD&CN Delta	3.195.134.851	210.697.985
Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long	1.706.576.235	1.706.576.235
HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất	1.200.000.000	1.200.000.000
Chênh lệch giá Xi măng Sotraco	875.747.628	875.747.628
Tiền giảm trừ doanh thu nhà HH Mỹ Đình	439.505.981	439.505.981
Công nợ lương phải thu của CBCNV	-	329.225.345
Chi nhánh thi công cơ giới dầu khí	-	60.000.000
Đỗ Văn Tám	266.764.227	266.764.227
Chênh lệch thép giá VIS	177.423.592	177.423.592
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	1.500.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Toàn Thành Phát	34.200.000.000	-
Tiền bán cổ phần SICO Yên Sơn	15.792.000.000	-
Ban quản lý dự án Yên Phong II	10.251.014.419	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	41.006.985
Công ty Cổ phần Sông Đà - Phương Nam	10.000.000	200.000.000
Các khoản phải thu khác	5.511.295.960	1.037.607.530
Tổng	86.781.754.584	29.243.788.701

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.965.756.790	4.360.133.155
Công cụ, dụng cụ	147.669.109	139.200.927
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.899.644.154	34.784.903.369
Thành phẩm	110.467.072	1.004.634.071
Hàng gửi đi bán	234.924.101	311.253.792
Tổng	67.959.885.226	40.600.125.314

5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	517.038.481	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	133.925.744	-
Tổng	650.964.225	-

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng các đội thi công	22.657.446.260	19.726.369.119
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	-	17.937.621.900
Tổng	22.657.446.260	37.663.991.019

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2010	3.547.182.625	26.686.219.552	1.057.805.750	795.931.667	1.478.239.444	33.565.379.038
Tăng trong năm	6.204.013.687	63.073.988.158	4.363.125.760	2.677.924.215	1.230.117.543	77.549.169.363
Mua trong năm	519.074.279	879.261.166	1.180.752.455	609.849.364	1.230.117.543	4.419.054.807
Từ XDCB	-	54.197.436.441	-	-	-	54.197.436.441
Tăng do hợp nhất KD	5.684.939.408	380.310.040	863.656.003	2.028.036.033	-	8.956.941.484
Tăng khác	-	7.616.980.511	2.318.717.302	40.038.818	-	9.975.736.631
Giảm trong năm	-	1.218.708.305	283.154.286	75.529.860	759.246.456	2.336.638.907
Thanh lý, nhượng bán	-	1.209.890.123	283.154.286	75.529.860	759.246.456	2.327.820.725
Giảm khác	-	8.818.182	-	-	-	8.818.182
Số dư tại 31/12/2010	9.751.196.312	88.541.499.405	5.137.777.224	3.398.326.022	1.949.110.531	108.777.909.494
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2010	353.337.513	10.823.884.189	757.892.531	433.107.598	750.847.581	13.119.069.412
Tăng trong năm	3.273.911.961	4.936.342.679	2.124.095.778	1.571.090.037	230.750.548	12.136.191.003
Khấu hao trong năm	447.859.189	4.249.904.736	549.450.451	365.465.315	230.750.548	5.843.430.239
Tăng do hợp nhất KD	2.826.052.772	377.669.005	196.240.196	1.205.624.722	-	4.605.586.695
Tăng khác	-	308.768.938	1.378.405.131	-	-	1.687.174.069
Giảm trong năm	-	1.001.615.346	245.400.380	69.089.854	306.631.851	1.622.737.431
Thanh lý, nhượng bán	-	942.090.502	245.400.380	69.089.854	306.631.851	1.563.212.587
Giảm khác	-	59.524.844	-	-	-	59.524.844
Số dư tại 31/12/2010	3.627.249.474	14.758.611.522	2.636.587.929	1.935.107.781	674.966.278	23.632.522.984
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2010	3.193.845.112	15.862.335.363	299.913.219	362.824.069	1.274.144.253	20.446.309.626
Tại 31/12/2010	6.123.946.838	73.782.887.883	2.501.189.295	1.463.218.241	727.391.863	85.145.386.510

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2010	10.064.896.329	2.318.717.302	12.383.613.631
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	616.980.511	2.318.717.302	2.935.697.813
Giảm khác	616.980.511	2.318.717.302	2.935.697.813
Số dư tại 31/12/2010	9.447.915.818	-	9.447.915.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2010	5.486.270.238	1.279.490.786	6.765.761.024
Tăng trong năm	1.138.192.396	98.914.345	1.237.106.741
Khấu hao trong năm	1.138.192.396	98.914.345	1.237.106.741
Giảm trong năm	308.768.938	1.378.405.131	1.687.174.069
Giảm khác	308.768.938	1.378.405.131	1.687.174.069
Số dư tại 31/12/2010	6.315.693.696	-	6.315.693.696
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2010	3.132.222.122	-	5.617.852.607
Tại 01/01/2010	4.578.626.091	1.039.226.516	3.132.222.122

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại số 103 đường 30/4 thành phố Biên Hòa và 260B Quốc lộ 15 thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. Giá trị của tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản nợ vay

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2010	
	VND	
Tại ngày 1 tháng 1		22.409.307.047
Tăng trong năm		48.779.050.559
Kết chuyển tài sản cố định		54.197.436.441
Giảm khác		3.221.419.782
Tại ngày 31 tháng 12		13.769.501.383
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	12.156.738.000
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	11.274.226.193	7.456.259.321
Chế tạo Silo Bentonita	549.228.133	-
Trạm Bê tông Mỗ Lao	-	1.973.957.076
Sửa chữa lớn TSCĐ	555.806.000	-
Nhà sản xuất thuốc hàn	76.727.600	76.727.600
Nhà làm việc	-	691.729.596
Dự án KCN Quốc Tuấn - An Bình - Hải Dương	535.218.181	-
Máy tách cát 250m3	335.181.914	-
Các công trình khác	443.113.362	53.895.454
Tổng	13.769.501.383	22.409.307.047

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2010	
	VND	
Tại ngày 1 tháng 1		1.457.029.633
Tăng trong năm		14.040.596.619
Phân bổ vào chi phí trong năm		4.951.663.554
Tại ngày 31 tháng 12		10.545.962.698
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi tiết theo nội dung		
Dàn giáo, cốppha, dụng cụ thi công	10.545.962.698	1.457.029.633
Tổng	10.545.962.698	1.457.029.633

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.12 Lợi thế thương mại

	Năm 2010 VND
Tại ngày đầu năm	-
Tăng trong năm	15.703.990.240
Phân bổ vào phí trong năm	(785.199.512)
Tại ngày cuối năm	14.918.790.728

Lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (120 tháng).

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (i)	19.702.273.009	19.999.984.535
Ngân hàng TMCP Công thương (ii)	23.126.817.612	2.912.052.989
Ngân hàng TMCP Quốc tế (iii)	25.724.054.000	-
Tổng Công ty Sông Đà	-	2.000.000.000
Vay cá nhân	3.273.540.000	5.562.780.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.760.720.824	6.217.675.761
Tổng	73.587.405.445	36.692.493.285

- (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2010/249/HĐTDHM ngày 10 tháng 5 năm 2010
 Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng
 Thời hạn vay: Dưới 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, theo từng khế ước vay từng lần cụ thể
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
 Lãi suất cho vay: Theo thông báo của Ngân hàng theo từng lần giải ngân cụ thể. Lãi vay được trả hàng tháng theo lãi suất ghi trong từng lần giải ngân
 Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị, xe cơ giới, nhà xưởng
- (ii) Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-HM/HTSD ngày 26 tháng 3 năm 2010
 Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng duy trì đến 31 tháng 3 năm 2011
 Mục đích vay: Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất
 Thời hạn cho vay: Được quy định cụ thể trong mỗi lần giải ngân được ghi trong giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 06 tháng.
 Lãi suất cho vay: Áp dụng theo phương pháp thả nổi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng thêm biên độ tối thiểu 3%/ năm. Mức lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/ năm. Mức lãi suất kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010 là 14%/ năm.
 Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án tham gia cho vay (gồm cả quyền hưởng lợi, quyền nhận tiền bảo hiểm nếu có phát sinh từ tài sản đó).
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 001/HĐTD 2-VIB90/10 ngày 14 tháng 01 năm 2010
 Hạn mức tín dụng: 26 tỷ đồng
 Thời hạn vay: Dưới 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, theo từng khế ước vay từng lần cụ thể
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
 Lãi suất cho vay: Theo thông báo của Ngân hàng theo từng lần giải ngân cụ thể.
 Tài sản đảm bảo: Xăng dầu tồn kho, quyền khai thác các cửa hàng xăng dầu tại Đồng Nai

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.345.963.406	6.711.790.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.763.898.535	8.722.369.559
Thuế thu nhập cá nhân	526.083.320	139.188.464
Thuế tài nguyên	-	19.379.857
Các loại thuế khác	46.364	225.598.305
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.803.748
Tổng	22.635.991.625	15.827.130.396

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công trình Trung tâm Thương mại Mỗ Lao	4.573.058.826	-
Công trình CT8 Dương Nội	649.775.096	3.309.946.135
Công trình TTC	583.001.702	583.001.702
Công trình Nhà máy Xi măng Hạ Long	-	574.608.480
Công trình Hồ Gươm	308.941.068	-
Các công trình liên doanh	139.401.500	-
Công trình Học viện Quân y 103	49.585.200	162.684.191
Công trình Viện KHVN Hoàng Quốc Việt	-	1.987.637.257
Công trình Cầu Tam Quang	516.250.854	-
Công trình thủy điện Nậm Mu	133.222.000	133.222.000
Công trình Trạm bê tông	-	385.463.637
Công trình thủy điện Nậm Chiến	54.293.727	54.293.727
Công trình Nha Trang	-	53.000.000
Công ty Cổ phần Sông đà 1	46.000.000	46.000.000
Công trình Nàng Hương	44.404.085	44.404.085
Công trình TTTM & VP cho thuê (Mỗ Lao)	19.861.701	19.861.701
Công trình Thủy điện Tuyên Quang	12.473.397	12.473.397
Công trình Hải Bình	-	157.806.410
Tổng	7.130.269.156	7.524.402.722

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế	854.987.765	569.854.737
Kinh phí công đoàn	174.034.358	168.171.169
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.787.665.922	23.198.359.046
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>240.694.298</i>	<i>453.083.943</i>
<i>DONGRIWON Development VINA Co.Ltd</i>	<i>-</i>	<i>6.000.000.000</i>
<i>CN Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Cường</i>	<i>3.994.640.758</i>	<i>3.905.182.098</i>
<i>Công ty CP PTKT hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>2.400.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta</i>	<i>658.164.545</i>	<i>1.967.326.364</i>
<i>Cán bộ công nhân viên mua vật tư</i>	<i>647.471.353</i>	<i>819.052.154</i>
<i>Công ty Cổ phần thiết bị CN & XD</i>	<i>-</i>	<i>862.971.618</i>
<i>Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long</i>	<i>-</i>	<i>837.348.710</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng An Quân</i>	<i>-</i>	<i>674.901.910</i>
<i>Công ty CP Thương mại & DVVT Nghĩa Hưng</i>	<i>453.890.026</i>	<i>367.199.184</i>
<i>Tiền vật tư theo hợp đồng</i>	<i>1.187.727.965</i>	<i>518.072.992</i>
<i>Công ty CP Tập đoàn dầu khí An Pha</i>	<i>1.650.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Trịnh Tiến Thành</i>	<i>238.836.679</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại DVVT Hoàng Minh</i>	<i>-</i>	<i>223.999.772</i>
<i>Trạm bê tông Sông Đà</i>	<i>185.270.818</i>	<i>201.790.835</i>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	<i>174.918.414</i>	<i>745.167.553</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - Vốn lưu động</i>	<i>-</i>	<i>672.670.202</i>
<i>Nguyễn Văn Ngoại</i>	<i>-</i>	<i>593.851.680</i>
<i>HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất</i>	<i>-</i>	<i>444.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà - Phương Nam</i>	<i>-</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>3.756.051.066</i>	<i>1.311.740.031</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	83.425.546	14.821.325
Tổng	14.900.113.591	23.951.206.277

5.17 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	31.447.712.173	15.900.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân	31.447.712.173	15.900.000.000
Nợ dài hạn	-	1.953.432.487
Thuê tài chính (Công ty cho thuê tài chính)	-	1.953.432.487
Ngân hàng Công thương Việt Nam)	-	1.953.432.487
Tổng	31.447.712.173	17.853.432.487

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	18.628.000.000	4.657.000.000
Ông Vũ Văn Bảy	13.225.880.000	5.123.354.333
Ông Lưu Tuấn Hùng	758.750.000	675.000.000
Các cổ đông còn lại	176.887.370.000	41.294.645.667
Tổng	209.500.000.000	51.750.000.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	51.750.000.000	51.750.000.000
Vốn góp tăng trong năm	157.750.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	209.500.000.000	51.750.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.280.000.000	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.950.000	5.117.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.950.000	5.117.500
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	5.117.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	445.000	-
Cổ phiếu phổ thông	445.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.950.000	5.175.000
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	5.175.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	51.750.000.000	12.157.753.767		3.336.616.940	759.546.267	772.684.031	68.776.601.005
Tăng trong năm	-	-	-	787.305.764	310.541.732	16.933.617.606	18.031.465.102
Tăng khác	-	-	-	631.481.527	-	-	631.481.527
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	155.824.237	310.541.732	-	466.365.969
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	16.933.617.606	16.933.617.606
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	2.622.416.549	2.622.416.549
Thủ lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	25.200.000	25.200.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.422.766.276	1.422.766.276
Giảm khác	-	-	-	-	-	1.174.450.273	1.174.450.273
Số dư tại 31/12/2009	51.750.000.000	12.157.753.767	-	4.123.922.704	1.070.087.999	15.083.885.088	84.185.649.558
Số dư tại 01/01/2010	51.750.000.000	12.157.753.767	-	4.123.922.704	1.070.087.999	15.083.885.088	84.185.649.558
Tăng trong năm	157.750.000.000	168.331.380	(10.351.583.945)	5.125.001.306	2.307.359.736	35.834.143.155	190.833.251.631
Góp vốn	157.750.000.000	-	-	-	-	-	157.750.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.264.673.156	1.708.942.908	-	5.973.616.064
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	35.834.143.155	35.834.143.155
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.351.583.945)	-	-	-	(10.351.583.945)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	168.331.380	-	860.328.150	598.416.828	-	1.627.076.357
Giảm trong năm	-	200.000.000	-	-	-	17.877.521.667	18.077.521.667
Chia trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	8.280.000.000	8.280.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	9.343.699.947	9.343.699.947
Thủ lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	253.821.720	253.821.720
Giảm khác	-	200.000.000	-	-	-	-	200.000.000
Số dư tại 31/12/2010	209.500.000.000	12.126.085.147	(10.351.583.945)	9.248.924.010	3.377.447.735	33.040.506.575	256.941.379.522



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	104.721.253.032	96.659.363.079
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	249.094.726.869	42.603.576.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.725.455.096	1.123.681.881
Tổng	362.541.434.997	140.386.621.328

5.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giảm giá hàng bán	1.190.162.699	954.546
Tổng	1.190.162.699	954.546

5.21 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	103.531.090.333	96.659.363.079
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	249.094.726.869	42.602.621.822
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8.725.455.096	1.123.681.881
Tổng	361.351.272.298	140.385.666.782

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	66.287.006.915	65.269.529.464
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	231.993.426.670	47.642.693.262
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.565.683.359	3.961.003.783
Tổng	303.846.116.944	116.873.226.509

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.471.536.059	95.542.005
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	29.728.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	853.811.131	-
Tổng	34.053.347.190	95.542.005

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	13.221.790.456	3.457.126.955
Lỗ đầu tư chứng khoán	2.705.026.518	-
Chi phí tài chính khác	591.188.303	-
Tổng	16.518.005.277	3.457.126.955

5.25 Lợi nhuận từ hoạt động khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác	8.409.550.878	24.130.102.568
Thu thanh lý tài sản cố định	1.500.616.892	550.000.000
Chênh lệch giá trị tài sản góp vốn	5.921.326.151	-
Thu nhập từ chuyển QSD đất	-	22.261.476.189
Nhượng bán vật tư, tài sản khác	-	564.677.409
Thu nhập khác	987.607.835	753.948.970
Chi phí khác	1.798.524.137	10.441.674.711
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	846.963.959	1.016.094.088
Chi phí thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	414.565.818	-
Chi phí chuyển QSD đất	-	8.678.898.852
Chi phí khác	536.994.360	746.681.771
Thu nhập khác thuần	6.611.026.741	13.688.427.857

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	48.376.723.442	22.349.957.415
Các khoản điều chỉnh tăng	1.151.964.778	3.496.166.171
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	49.528.688.220	25.846.123.586
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12.382.172.055	6.461.530.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009	-	(919.765.969)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.382.172.055	5.541.764.928
Chi phí thuế TNDN năm trước chuyển sang	(1.018.693.301)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.363.478.754	5.541.764.928

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.932.521.412	91.399.748.097
Chi phí nhân công	51.092.119.570	11.174.844.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.835.724.571	3.288.468.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.249.449.932	16.749.803.497
Chi phí khác bằng tiền	25.375.649.481	33.969.288.906
Tổng	249.485.464.966	156.582.153.573

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	35.834.143.155	16.933.617.606
a. Số điều chỉnh giảm	-	-
b. Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	35.834.143.155	16.933.617.606
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.642.695	5.175.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.627	3.272

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	875.300.265	442.157.553

6.1 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Kế toán trưởng

Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy